ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN
VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

(*2 tiết*)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Nắm được một số đặc điểm của văn bản văn học trung đại Việt Nam.

– Bước đầu có kĩ năng đọc - hiểu văn bản văn học trung đại.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Đọc tác phẩm văn học trung đại khác với việc đọc tác phẩm văn học hiện đại, do các đặc điểm của văn học trung đại tạo nên. Chính vì vậy, để thực hiện tốt hoạt động đọc - hiểu văn bản văn học trong SGK *Ngữ văn 10 Nâng cao*, HS và cả GV đều phải có nhận thức rõ ràng về các đặc điểm ấy.

a) Văn học trung đại Việt Nam phần lớn đều viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. Đặc điểm này gây nên những khó khăn về văn bản. Đối với tác phẩm chữ Hán, từ phiên âm, dịch nghĩa đến dịch thơ (đối với thơ) hoặc dịch ra văn bản chữ quốc ngữ (như các bài *cáo, chiếu, tựa, kí sự, truyền kì*,...) thường không tránh khỏi việc "gọt chân cho vừa giày", hoặc "thêm ý thêm chữ" cho hợp vần, dễ hiểu. Kết quả là khó tránh khỏi sai lạc ít nhiều so với nguyên tác. Đối với tác phẩm chữ Nôm, do cách viết chữ Nôm xưa có dị bản và có nhiều cách đọc khác nhau, cho nên thường có bản phiên âm thế này, bản phiên âm thế khác. Tình hình đó dẫn đến sự lựa chọn dị bản này hoặc dị bản kia theo một lí do nào đó.

b) Văn học trung đại thiên về biểu hiện *tâm, chí* con người. Sự miêu tả thường mang tính biểu trưng, biểu tượng. Điều này làm cho các hình ảnh miêu tả thiên về tính chất ước lệ, quy phạm. Người ta không ngại dùng hành vi khác thường, phóng đại để tỏ chí. Dùng điển cố tức là dùng một sự thực đã có trong lịch sử hay trong văn học làm biểu tượng để nói lên điều tâm sự của tác giả (người xưa gọi dùng điển cố là "dụng sự"). Dùng hình ảnh tượng trưng như tùng, cúc, trúc, mai,... để thể hiện tâm, chí lại càng phổ biến. Nếu không hiểu ngôn ngữ ước lệ đó thì dễ có nguy cơ hiểu nhầm.

c) Văn học trung đại do thiên về biểu hiện *tâm, chí* nên thường sáng tạo những tính cách cao thượng, lí tưởng, tiêu biểu cho tâm, chí con người. Đó là những hình ảnh đẹp có giá trị giáo dục và cổ vũ đạo đức rất cao.

d) Do chú trọng bộc bạch *tâm, chí*, văn học trung đại đề cao chủ thể, đậm đà tính chất trữ tình.

đ) Văn học trung đại thường lời ít, ý nhiều, ngôn ngữ hàm súc, "ý tại ngôn ngoại".

2. Từ các đặc điểm trên, cách đọc văn bản văn học trung đại cũng có nhiều đặc điểm khác với văn bản văn học hiện đại. SGK đã có lưu ý những điều cần quan tâm khi đọc văn bản văn học trung đại. Ở đây xin nói rõ thêm một số điểm.

a) Về từ ngữ, nếu là thơ dịch từ chữ Hán, nên đối chiếu văn bản chữ Hán, bản dịch nghĩa và dịch thơ để thể nghiệm ý vị của bài thơ. Chú ý các từ ngữ biểu tượng, các điển cố. Nếu là thơ Nôm, nên lưu ý các bản phiên âm, có thể có dị bản, chú ý tiếng Việt cổ.

b) Đọc văn bản văn học trung đại phải chú ý tính chất hàm súc, lời ít ý nhiều của thơ, tính chất đăng đối, nhịp nhàng của các thể văn cổ, cái khéo, cái đẹp trong các hình ảnh, từ ngữ.

c) Chú ý các biểu hiện tính cách qua tâm hồn, ý chí của con người, lí tưởng, nhân cách mà các nhà văn theo đuổi. Và từ thế kỉ XVIII trở đi, ý thức về con người đã có thay đổi lớn, nhà văn quan tâm hơn đến đời sống thực tại, quan tâm tới thân phận, nỗi khát khao hạnh phúc cá nhân, v.v.

3. Đây là bài học có tính chất lí thuyết, lại có tính chất tổng kết đọc - hiểu văn học trung đại ở lớp 10. Vì vậy, GV có thể dùng hình thức nêu câu hỏi, chuẩn bị sẵn một số ví dụ tiêu biểu, gợi ý HS phát biểu để đạt đến sự tổng kết, nâng lên nhận thức lí thuyết từ những điều mà HS đã học.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Trong SGK *Ngữ văn*, phần văn học trung đại chiếm một tỉ lệ rất lớn. Vì thế vấn đề đọc - hiểu văn bản văn học trung đại có một ý nghĩa quan trọng. Bài học có hai phần : phần lí thuyết và phần luyện tập. Phần lí thuyết nên khái quát là chính. GV có thể nêu các câu hỏi sau về đặc điểm chung của loại hình văn học này :

– Phần văn học này viết bằng chữ gì ? Chữ ấy ảnh hưởng tới văn học như thế nào ? (Vấn đề dịch, phiên âm, dị bản, dịch sát, dịch hay).

– Ngoài vấn đề dịch và phiên âm, các văn bản văn học trung đại còn có những đặc điểm gì về ngôn ngữ văn học ? (Tính ước lệ, biểu tượng, điển cố, đối ngẫu, tài nghệ dùng từ, dùng điển khéo léo).

– Hình tượng trong văn học trung đại có những đặc điểm gì ?

Gợi ý :

+ Nhân vật thiên về tỏ chí, tỏ lòng (hình tượng Lê Lợi, Trần Thủ Độ, Tô Hiến Thành).

+ Nhân cách cao thượng, quyết liệt (Tử Văn, Kiều,...).

– Ngôn ngữ văn học trung đại thiên về xây dựng những kiến trúc vững chãi, đối xứng, hài hoà, tạo thành vẻ đẹp đặc biệt.

2. Luyện tập. GV hướng dẫn HS thực hiện ba bài tập theo gợi ý sau :

Bài tập 1

a) Cho HS so sánh phần dịch nghĩa câu 1 bài thơ phiên âm chữ Hán và bài thơ dịch *Tỏ lòng* sẽ thấy ngay sự không hoàn toàn phù hợp. Hình ảnh "múa giáo" và "cầm ngang ngọn giáo" có ý nghĩa khác nhau. So sánh không phải để chê bài dịch mà để thấy dịch thơ là rất khó, hiếm khi đạt được hình ảnh, ý tứ như nguyên tác.

b) Dựa vào bài đọc - hiểu *Đại cáo bình Ngô* để giải thích.

c) Yêu cầu HS xem chú thích về các điển cố.

Bài tập 2

a) Ý nghĩa mấy câu trích trong bài *Phú sông Bạch Đằng*

Hai câu "Đến bên sông chừ hổ mặt - Nhớ người xưa chừ lệ chan" : Tác giả thấy xấu hổ và xót xa cho hiện tình đất nước lúc bấy giờ, so sánh với thời oanh liệt của các vua Trần xưa.

Hai câu : "Giặc tan muôn thuở thăng bình - Phải đâu đất hiểm cốt mình đức cao" khẳng định vai trò của người lãnh đạo đất nước trong sự nghiệp giữ nước.

b) GV nhắc lại bài thơ *Đọc Tiểu Thanh kí* và chỉ ra tâm sự thương xót số phận người tài và thương xót bản thân mình của Nguyễn Du.

c) GV nhắc lại tác phẩm *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* và chỉ ra tư tưởng, tình cảm của tác giả đối với Ngô Tử Văn. Chú ý lời bình ở cuối bài.

Bài tập 3

a) GV gọi HS phân tích hai vế đối của các câu thơ trích bài *Nhàn* (Nguyễn Bỉnh Khiêm), *Cảnh ngày hè* (Nguyễn Trãi) : bằng, trắc, đối ý, đối từ loại để thấy được vẻ đẹp cân đối, hài hoà trong các khổ thơ.

b) Gọi HS phân tích tính hàm súc của hình ảnh trong thơ Lí Bạch và Đặng Dung. GV yêu cầu HS chỉ ra cái "ý ở ngoài lời" của chúng.

3. Tổng kết : Đọc văn bản văn học trung đại là phải khai thác các phương thức biểu hiện tiêu biểu của nó để phát hiện vẻ đẹp và chiều sâu tư tưởng, tình cảm trong đó.

Lưu ý : Mỗi mục ở đây sử dụng chừng 15 phút, nêu câu hỏi về nhận thức đặc điểm chừng 5 - 7 phút, phần còn lại nêu, phân tích một ví dụ cụ thể là được.